

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSi VIỆT NAM
KSi VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Mã số thuế: 0300740044

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

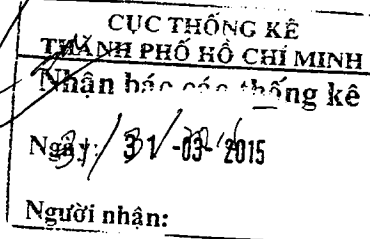
Địa chỉ: 119 Phở Quang, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Mã số thuế: 0300740044

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



SAO Y BẢN CHÍNH



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NHƯ HÙNG

Được kiểm toán bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KSI VIỆT NAM**

Địa chỉ: 16 Trà Khúc, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 35 471 242

Website: www.ksi.com.vn

Fax: (84-8) 35 471 450

Email: audit@ksi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 119 Phở Quang, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 119 Phố Quang, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (gọi tắt là Công ty) trân trọng trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Khái quát Công ty

Công ty Cổ phần Điện Tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn (Công ty) là công ty Cổ phần thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006741 ngày 16 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần I ngày 07 tháng 05 năm 2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 9 năm 2013 với nội dung thay đổi là: địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ Phần với mã số doanh nghiệp là: 0300740044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

2. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sửa chữa, bảo trì, lắp ráp, mua bán hàng điện - điện tử (không rèn đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở); Thi công xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp- giao thông - thủy lợi - hệ thống cấp thoát nước và cơ sở hạ tầng; Mua bán vật liệu xây dựng, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, phân bón, hàng nông lâm thủy sản, thực phẩm; Mua bán, cho thuê nhà (chức năng này chỉ sử dụng đối với nhà không thuộc của Nhà nước chuyển giao); Dịch vụ nhà đất (trừ dịch vụ môi giới bất động sản); Mua bán điện thoại các loại, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị viễn thông; Thực hiện các dịch vụ công nghiệp, thương mại, đại lý ký gửi hàng hóa; Hoạt động của các đội bóng, câu lạc bộ Tennis. Đào tạo nghề.

Trụ sở

Trụ sở của Công ty đặt tại: 119 Phố Quang, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Như Hưng Giám đốc

Ông Đặng Đức Thuận Kế toán trưởng

4. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hưng.

5. Kiểm toán viên

Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 119 Phố Quang, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

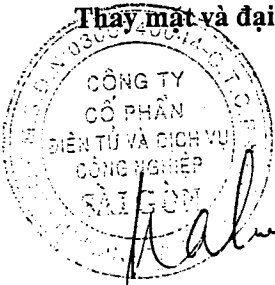
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



NGUYỄN NHƯ HƯNG

Giám đốc

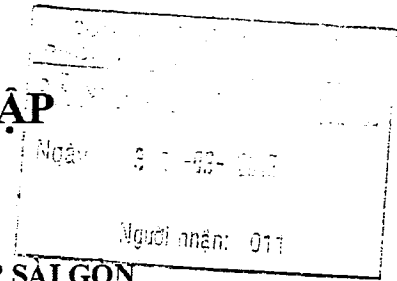
Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015



Số: 14001.12/2014/BCKT.TC-KSiTB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

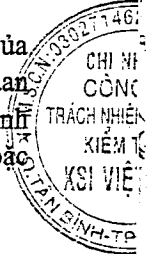
Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Điện Tử Và Dịch Vụ Công Nghiệp Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo hợp đồng hợp tác đào tạo số 54/SAG-2010 ký ngày 07 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn ("Sagel") và Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thăng Long Vina ("Thăng Long Vina"), Phụ lục hợp đồng Số 59/HTĐT/SAGEL/2013 ký ngày 18 tháng 09 năm 2013 thì do phải thanh lý hợp đồng sớm hơn thời hạn trong năm 2015 nên Sagel phải bồi thường cho Thăng Long Vina phần tài sản cố định đã được Thăng Long Vina đầu tư dài hạn (khấu hao 10 năm) đã được hai bên giám định bằng cách khấu trừ vào tiền thuê mặt bằng trong thời gian tương ứng hoặc bằng thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, Sagel vẫn chưa xác định chi phí bồi thường và chưa trích trước chi phí bồi thường như trên.

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ký ngày 18/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn ("Sagel"), Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va và Công ty CP Địa ốc Thành Nhơn; cùng các Phụ lục không số ngày 01 tháng 07 năm 2014, Phụ lục số 02 ngày 01 tháng 10 năm 2014 thì các chi phí cho việc đầu tư như tổn thất tài sản trên đất, chi phí di dời, chi phí ngừng kinh doanh...chưa được trích trước chi phí vào năm 2014, việc di dời công ty sẽ được tiến hành vào giữa năm 2015 để bàn giao mặt bằng cho đối tác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện Tử Và Dịch Vụ Công Nghiệp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Các hợp đồng cho thuê mặt bằng đã được thanh lý hết để thu hồi mặt bằng và bàn giao cho các bên liên doanh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ký ngày 18/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn ("Sagel"), Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va và Công ty CP Địa ốc Thành Nhơn về việc đầu tư xây dựng Khu phức hợp thương mại văn phòng căn hộ tại số 119 Phố, Quang Phường 9, Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, nguồn thu từ hoạt động cho thuê mặt bằng của Công ty sẽ giảm một các đáng kể từ năm 2015.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán thì các bên vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục thành lập công ty liên doanh để thực hiện dự án theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ký ngày 18/10/2013.

Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam**LÊ VĂN TRẮNG****Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1829-2013-046-1

NGUYỄN VĂN HẬU**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1340-2013-046-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.903.918.739	5.872.272.433
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.467.012.617	630.668.153
Tiền	111		2.467.012.617	630.668.153
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	13.815.977.397	3.562.676.665
Phải thu của khách hàng	131		8.746.846.936	3.325.370.923
Trả trước cho người bán	132		-	34.896.280
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		5.069.130.461	202.409.462
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	V.3	1.492.375.869	1.584.661.181
Hàng tồn kho	141		1.662.012.675	1.710.912.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(169.636.806)	(126.251.295)
Tài sản ngắn hạn khác	150		128.552.856	94.266.434
Củi phí trả trước ngắn hạn	151		1.326.670	4.042.121
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4a	98.709.746	58.538.873
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4b	28.516.440	31.685.440

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.303.682.291	11.899.218.761
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		10.778.407.217	11.658.399.464
Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	9.952.641.666	10.832.633.913
- Nguyên giá	222		14.051.915.545	14.380.265.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.099.273.879)	(3.547.631.984)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	V.6	180.000.000	180.000.000
- Nguyên giá	228		180.000.000	180.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	645.765.551	645.765.551
Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		525.275.074	240.819.297
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8a	515.275.074	230.819.297
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	V.8b	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.207.601.030	17.771.491.194

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.550.581.445	2.253.296.565
Nợ ngắn hạn	310		13.514.381.506	2.253.296.565
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	V.9	277.999.316	299.823.468
Người mua trả tiền trước	313	V.10	-	20.840.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	148.273.587	875.542.982
Phải trả người lao động	315	V.12	250.570.904	42.449.003
Chi phí phải trả	316	V.13	1.374.951.505	28.181.818
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.14	11.422.141.766	930.330.349
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.15	40.444.428	56.128.945
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		36.199.939	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		36.199.939	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.657.019.585	15.518.194.629
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	15.657.019.585	15.518.194.629
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		259.097.315	229.173.590
Quỹ dự phòng tài chính	418		149.282.713	229.173.590
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		248.639.557	59.847.449
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.207.601.030	17.771.491.194

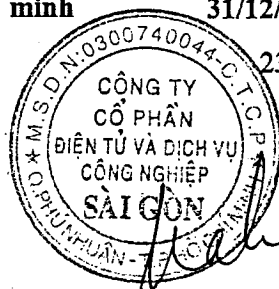
TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG

Khoản mục	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Ngoại tệ các loại (USD)		235,10	248,30


ĐẶNG ĐỨC THUẬN

Kế toán trưởng

Thuyết minh

**NGUYỄN NHƯ HƯNG**

Giám đốc

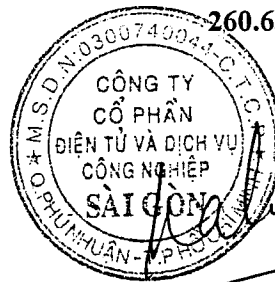
Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1	10.686.502.431	9.893.097.359
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.2	10.686.502.431	9.893.097.359
Giá vốn hàng bán	11	V.3	2.160.723.264	3.045.776.539
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.525.779.167	6.847.320.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.4	10.320.378	5.468.766
Chi phí tài chính	22	V.5	2.458.798	90.420
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	
Chi phí bán hàng	24	V.6	8.738.992.249	6.739.577.665
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.7	46.060.746	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(251.412.248)	113.121.501
Thu nhập khác	31	V.8	3.063.642.000	9.000
Chi phí khác	32	V.9	2.486.430.306	27.824.968
Lợi nhuận khác	40		577.211.694	(27.815.968)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		325.799.446	85.305.533
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	65.159.889	25.458.083
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		260.639.557	59.847.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

**ĐẶNG ĐỨC THUẬN**

Kế toán trưởng

NGUYỄN NHƯ HÙNG

Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		325.799.446	85.305.532
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		640.331.628	642.014.811
- Các khoản dự phòng	03		-	25.250.259
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		239.660.619	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.205.791.693	752.570.602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.290.302.605)	(639.557.801)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		92.285.312	82.693.835
- Tăng, giảm khoản phải trả	11		11.187.470.279	389.656.496
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(281.740.326)	(181.572.246)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(65.159.889)	(142.914.749)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	203.317.997
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.000.000)	(124.655.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.836.344.464	339.538.722
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(63.029.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	.(63.029.363)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

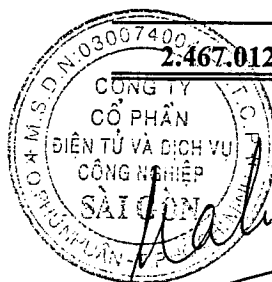
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.836.344.464	(23.490.641)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		630.668.153	654.158.794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>2.467.012.617</u>	<u>630.668.153</u>

ĐẶNG ĐỨC THUẬN

Kế toán trưởng

**NGUYỄN NHƯ HÙNG**

Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá gốc hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu trừ

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính").

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của khu đất 422 Đào Duy Anh, không thời hạn.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân tặng, biếu sau khi đã trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến tài sản được biếu tặng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước qui định hoặc Hội đồng định giá tài sản thống nhất xác định.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

13. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được xác định theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải hình thức pháp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	341.952.838	52.586.202
Tiền gửi ngân hàng [1]	2.125.059.779	578.081.951
	2.467.012.617	630.668.153

[1] Trong đó**VNĐ**

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	155.369.447	547.947.698
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Vinh Lộc	-	24.887.922
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.964.658.016	-

USD

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam~ 235.1 USD	5.032.316	5.235.406
	2.125.059.779	578.071.026

2. Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng - Chi tiết tại phụ lục 1	8.746.846.936	3.325.370.923
Trả trước cho người bán	-	34.896.280
Phải thu khác [2]	5.069.130.461	202.409.462
	13.815.977.397	3.562.676.665

[2] Trong đó

Thuế GTGT chưa khai báo thuế	16.094.861	18.594.861
Phạm Thị Chiến	-	100.000.000
Phạm Trường Sơn	-	9.814.601
Chênh lệch kiểm kê quỹ (Chưa rõ nguyên nhân)	74.000.000	74.000.000
Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	297.000.000	-
Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc Nova	4.682.035.600	-
	5.069.130.461	202.409.462

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

3. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Hàng hóa	1.662.012.675	1.710.912.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(169.636.806)	(126.251.295)
	1.492.375.869	1.584.661.181

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước và tài sản lưu động khác

a. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.685.997	3.686.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.400.569	54.852.873
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	60.623.180	-
	98.709.746	58.538.873

b. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.685.440	2.685.440
Tạm ứng	25.831.000	29.000.000
	28.516.440	31.685.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	12.729.285.058	603.540.994	66.561.300	980.878.545	-	14.380.265.897
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	328.350.352	-	-	-	-	328.350.352
+ Chuyển sang CCDC						-
+ Thanh lý, nhượng bán	328.350.352					328.350.352
Tại ngày 31/12/2014	12.400.934.706	603.540.994	66.561.300	980.878.545	-	14.051.915.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	2.697.105.407	324.399.110	62.081.470	464.045.997	-	3.547.631.984
Khấu hao trong kỳ	420.106.080	68.657.278	4.479.830	147.088.440		640.331.628
Thanh lý, nhượng bán	88.689.733					88.689.733
Tại ngày 31/12/2014	3.028.521.754	393.056.388	66.561.300	611.134.437	-	4.099.273.879
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	10.032.179.651	279.141.884	4.479.830	516.832.548	-	10.832.633.913
Tại ngày 31/12/2014	9.372.412.952	210.484.606	369.744.108	369.744.108	-	9.952.641.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

6. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	180.000.000	-	180.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	180.000.000	-	180.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	180.000.000	-	180.000.000
Tại ngày 31/12/2014	180.000.000	-	180.000.000

Ghi chú: Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của khu đất 422 Đào Duy Anh, không thời hạn.

	Cuối năm	Đầu năm
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang	645.765.551	645.765.551
<u>Ghi chú:</u> Đây là chi phí nâng cấp nhà xưởng và chi phí lập dự án nhà máy sản xuất Pin mặt trời, đèn Led tiết kiệm năng lượng, chi phí thuế nhập khẩu, cước vận chuyển của hàng mẫu đèn năng lượng mặt trời (sunded corp).		

8. Tài sản dài hạn khác**a. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ

Cuối năm	Đầu năm
515.275.074	230.819.297

b. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cuối năm	Đầu năm
10.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

9. Phải trả cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho người bán [3]	277.999.316	299.823.468
<u>[3] Trong đó</u>		
Công ty TNHH MTV CK Ngân Hàng Đông Á	-	7.500.000
Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	259.380.000	115.280.000
Điện lực Gia Định	16.094.861	177.043.468
VietinBank CN TPHCM	2.524.455	-
	<u>277.999.316</u>	<u>299.823.468</u>
10. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
Người mua trả tiền trước	-	20.840.000
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	133.560.825	356.149.450
Thuế thu nhập cá nhân	14.712.762	9.012.762
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	510.380.770
	<u>148.273.587</u>	<u>875.542.982</u>
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.		
12. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
	250.570.904	42.449.003
<u>Ghi chú:</u> Đơn giá tiền lương được duyệt bởi hội đồng quản trị là 350 đồng/1.000 đồng doanh thu theo quyết định số 24/SGA-2014 ngày 15 tháng 04 năm 2014.		
13. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí khác [4]	1.374.951.505	28.181.818
<u>[4] Trong đó</u>		
Chi phí bồi thường thiệt hại do thanh lý hợp đồng trước thời hạn	1.346.769.687	-
Phí kiểm toán	28.181.818	28.181.818
	<u>1.374.951.505</u>	<u>28.181.818</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	203.257.509	180.772.478
Bảo hiểm xã hội	131.844.106	45.370.280
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.000.000	46.000.000
Các khoản phải trả khác [5] - Chi tiết tại phụ lục 2	11.041.040.151	658.187.591
<u>[5] Trong đó</u>		
Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn	624.750.000	624.750.000
Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina.	-	3.000.000
BHXX Thành phố Hồ Chí Minh	112.623	112.623
Nhà hàng cà phê m'stars	2.500.000	2.500.000
Chi cục thuế Quận Phú Nhuận	27.824.968	27.824.968
DNTN TM DV SX Hồng Mộc	413.400	-
Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc Nova (*)	10.385.439.160	-
	<u>11.041.040.151</u>	<u>658.187.591</u>

(*) Trong đó

Khoản tiền đặt cọc của Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc Nova cho hợp đồng hợp tác đầu số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ngày 18 tháng 10 năm 2013 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.200.000.000 đồng; khoản phải trả khác là 244.271.502 đồng; khoản còn lại trị giá 941.167.658 đồng là nghĩa vụ phải trả của Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc Nova cho Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina theo biên bản thỏa thuận ký ngày 28 tháng 10 năm 2014 (Công ty Cổ phần Điện Tử Và Dịch Vụ Công Nghiệp Sài Gòn là trung gian thanh toán).

	Cuối năm	Đầu năm
15. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Quỹ khen thưởng	27.208.439	40.292.956
Quỹ phúc lợi	13.235.989	15.835.989
	<u>40.444.428</u>	<u>56.128.945</u>

16. Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của nhà nước	7.650.000.000	7.650.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	7.350.000.000	7.350.000.000
	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu**b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Số dư tại ngày 01/01/2013	15.000.000.000	186.708.049	186.708.049	424.655.413	15.798.071.511
Lỗ trong kỳ				(364.807.964)	(364.807.964)
Trích lập Quỹ		42.465.541	42.465.541		84.931.082
Số dư tại ngày 31/12/2013	15.000.000.000	229.173.590	229.173.590	59.847.449	15.518.194.629
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Số dư tại ngày 01/01/2014	15.000.000.000	229.173.590	229.173.590	59.847.449	15.518.194.629
Lãi trong kỳ				260.639.557	260.639.557
Trích lập Quỹ		29.923.725	29.923.724	(59.847.449)	-
Sử dụng Quỹ			(109.814.601)		(109.814.601)
Chi thù lao hội đồng quản trị				(12.000.000)	(12.000.000)
Chênh lệch tỷ giá			-		-
Số dư tại ngày 31/12/2014	15.000.000.000	259.097.315	149.282.713	248.639.557	15.657.019.585

Ghi chú: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103006741 cấp ngày 16/05/2007, đăng ký lại lần I ngày 07/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 9 năm 2013. Tổng vốn điều lệ 10.000.000.000 VND, Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát số 01/2009/BBHĐQT-SAG ngày 24/04/2009 đã thống nhất tăng vốn điều lệ công ty thêm 5.000.000.000 VND (năm tỷ đồng), tổng cộng vốn điều lệ là 15.000.000.000 VND (mười lăm tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d. Các quỹ của doanh nghiệp		
	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	259.097.315	229.173.590
Quỹ dự phòng tài chính	149.282.713	229.173.590
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	408.380.028	458.347.180
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Năm 2014	Năm 2013
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	774.176.316	386.430.432
Doanh thu dịch vụ	9.912.326.115	9.506.666.927
	10.686.502.431	9.893.097.359
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	774.176.316	386.430.432
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.912.326.115	9.506.666.927
	10.686.502.431	9.893.097.359
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	2.160.723.264	3.045.776.539
	2.160.723.264	3.045.776.539
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.761.414	5.394.879
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.558.964	73.887
	10.320.378	5.468.766
5. Chi phí tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.458.798	90.420
	2.458.798	90.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Năm 2014	Năm 2013
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	4.229.857.389	3.551.689.737
Công cụ, dụng cụ	492.698.551	6.788.788
Chi phí khấu hao	640.331.628	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.867.745.729	2.402.197.589
Chi phí bằng tiền khác	508.358.952	778.901.551
	8.738.992.249	6.739.577.665
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	9.860.807	-
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	36.199.939	-
	46.060.746	-
8. Thu nhập khác		
Thu từ nhận bồi thường	3.063.642.000	-
Thu nhập khác	-	9.000
	3.063.642.000	9.000
9. Chi phí khác		
Chi phí bồi thường	2.246.769.687	-
Chi phí khác	239.660.619	27.824.968
	2.486.430.306	27.824.968
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế TNDN ước tính phải nộp	65.159.889	25.458.083
11. Chi phí theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.160.723.264	2.403.761.728
Chi phí nhân công	4.229.857.389	3.551.689.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	640.331.628	642.014.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.406.505.026	2.408.986.377
Chi phí khác bằng tiền	508.358.952	778.901.551
	10.945.776.259	9.785.354.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các cam kết**

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ký ngày 18/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn ("Sagel"), Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va và Công ty CP Địa ốc Thành Nhơn; cùng các Phụ lục không số ngày 01 tháng 07 năm 2014, Phụ lục số 02 ngày 01 tháng 10 năm 2014 thì:

Các bên thống nhất toàn bộ giá trị đầu tư trên khu đất, chi phí di dời, chi phí ngừng kinh doanh và các chi phí khác của Sagel tại khu đất và toàn bộ lợi nhuận ứng trước cho Sagel từ kết quả đầu tư, kinh doanh dự án được quy đổi thành diện tích sàn căn hộ là 1.900 mét vuông và 15.000.000.000 đồng. Giá trị đầu tư và lợi nhuận ứng trước mà Sagel được hưởng như trên không phụ thuộc vào kết quả đầu tư, kinh doanh dự án và tỷ lệ góp vào vốn điều lệ của công ty liên doanh trong tương lai theo điều kiện của hợp đồng liên doanh.

Trong thời gian công ty liên doanh chưa thành lập (theo hợp đồng hợp tác số 133/2013) thì các bên của hợp đồng thống nhất để Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ứng trước tất cả các chi phí phát sinh để thực hiện các thủ tục triển khai dự án. Số tiền ứng trước nêu trên sẽ được chuyển vào tài khoản của Sagel. Sagel đại diện cho các bên còn lại thực hiện triển khai các công việc liên quan đến dự án.

Trường hợp dự án không thể thực hiện được như quy định tại hợp đồng hợp tác số 133/2013 thì Sagel phải hoàn trả lại cho Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va tất cả các khoản tiền đã nhận được..

Các bên thống nhất khi một trong các bên còn lại yêu cầu thì Sagel sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần tại công ty liên doanh với giá 15.000.000.000 đồng và theo đó công ty liên doanh sẽ bàn giao 1.900 mét vuông diện tích sàn căn hộ trong vòng 30 ngày sau khi công ty liên doanh hoàn tất xây dựng giai đoạn 1 theo quyết định phê duyệt dự án.

Nếu đến tháng 12/2015 công ty liên doanh chưa xây dựng xong phần thô khu vực sàn xây dựng dự kiến bàn giao cho Sagel thì công ty liên doanh hoặc Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va có nghĩa vụ bảo đảm bàn giao diện tích sàn căn hộ cho Sagel bằng diện tích sàn căn hộ tại dự án SUNRISE City, khu North Tower số 23 Nguyễn Hữu Thọ, quận 7 do Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va đầu tư xây dựng. Diện tích sàn căn hộ làm căn cứ quy đổi tương đương là 1.800 mét vuông căn hộ thô tại Sunrise City sẽ trên nguyên tắc phân bổ đều cho các tầng, không tập trung vào một block hay một tầng/vị trí/hướng căn hộ nhất định.

2. Thông tin khác

Theo kết luận của đoàn thanh tra thành phố liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nhà, đất theo văn bản số 4796/UBND-TM ngày 29/07/2008 của UBND thành phố, việc đơn vị cho thuê nhà, đất tại số 422 Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận hiện là số 119 Phở Quang, P.9, Q. Phú Nhuận và số 192 Dương Bá Trạc, P.2, Q.8 là không đúng với mục đích sử dụng đất được quy định tại điều 3 hợp đồng thuê đất số 956/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 19/02/2009 và hợp đồng thuê đất số 10307/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 17/12/2008.

Sau khi trừ các chi phí hợp lý như tiền thuê đất, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế GTGT, Thuế TNDN, chi phí quản lý thì số tiền Đoàn thanh tra yêu cầu đơn vị phải nộp là 17.350.189.218 đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố khi Thanh tra thành phố ban hành quyết định thu hồi tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Theo thông báo số 138/TB-VP ngày 06/02/2015 về việc kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Mạnh Hà về thanh tra Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn-TNHH một thành viên. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có chỉ đạo không thu hồi số tiền 17.350.189.218 đồng, số tiền này đã có kết luận trước đó của đoàn thanh tra thành phố về việc đơn vị đã cho thuê nhà, đất không đúng mục đích sử dụng được giao và yêu cầu đơn vị phải nộp là 17.350.189.218 đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch/ số dư trọng yếu trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	Khách hàng chủ yếu
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova	Cổ đông
Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ hoạt động

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>VND Số tiền</u>
Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	Doanh thu cho thuê mặt bằng và thu hộ tiền điện	1.230.308.616

Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	Doanh thu học phí	6.000.000.000
------------------------------------	-------------------	---------------

Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	Chi phí dịch vụ	314.400.000
------------------------------------	-----------------	-------------

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2014

<u>Bên liên quan</u>	<u>VND Phải thu (Phải trả)</u>
----------------------	------------------------------------

Phải thu khách hàng

Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	6.821.101.534
------------------------------------	---------------

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova	1.006.588.000
--	---------------

Phải thu khác

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova	4.682.035.600
--	---------------

Phải trả người bán

Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	259.380.000
------------------------------------	-------------

Phải trả khác

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova	10.385.439.160
--	----------------

Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn	624.750.000
----------------------------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Trong năm 2015 Công ty CP ĐIỆN TỬ & DVCN SÀI GÒN phải di dời trụ sở tại số 119 Phở Quang, Phường 9, Phú Nhuận để thực hiện bàn giao mặt bằng theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 133-2013/HĐHTĐT/NVLG ký ngày 18/10/2013 giữa Công ty Cổ phần Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp Sài Gòn ("Sagel"), Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va và Công ty CP Địa ốc Thành Nhơn về việc đầu tư xây dựng Khu phức hợp thương mại văn phòng căn hộ.

5. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Các khoản vay	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.467.012.617
Nợ thuần	(2.467.012.617)
Vốn chủ sở hữu	15.657.019.585
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-16%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại phần Thuyết minh số III.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.467.012.617	630.668.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.815.977.397	3.527.780.385
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	<u>16.282.990.014</u>	<u>4.158.448.538</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	11.700.141.082	1.230.153.817
	<u>11.700.141.082</u>	<u>1.230.153.817</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư số 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

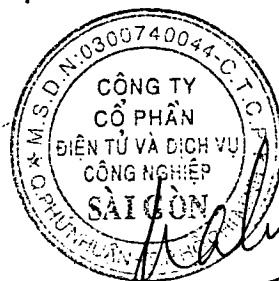
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.467.012.617		2.467.012.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.815.977.397		13.815.977.397
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	16.282.990.014	-	16.282.990.014
Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	11.700.141.082	-	11.700.141.082
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	11.700.141.082	-	11.700.141.082
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	630.668.153	-	630.668.153
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.527.780.385	-	3.527.780.385
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	4.158.448.538	-	4.158.448.538
Tại ngày 31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.230.153.817	-	1.230.153.817
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	1.230.153.817	-	1.230.153.817

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**ĐẶNG ĐỨC THUẬN**

Kế toán trưởng

NGUYỄN NHƯ HÙNG

Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ	
		NỢ	CÓ
1	CÔNG TY CP Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX	1.265.000	
2	PV QUI HOẠCH THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP	1.840.000	
3	Nhà Máy Quý	2.252.503	
4	BẠCH NGỌC PHƯỚC	2.500.000	
5	Trung Tâm Thông Tin Di Động HT Mobile	2.720.000	
6	CTY TNHH SON KHA	2.720.000	
7	Công Ty TNHH Thông Tin Di Động 3H	2.958.000	
8	TT KỸ THUẬT NHỰA-CAO SU & ĐÀO TẠO QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG	3.839.000	
9	CÔNG TY TNHH PHÚ ĐÔNG	4.352.000	
10	CTY TNHH MINH TRẦN	4.450.000	
11	DNTN TM DV SX HỒNG MỘC	4.535.000	
12	Công Ty TNHH TM Thái Á	5.177.700	
13	XN CƠ KHÍ & DV VẬT TƯ - CTY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP TP HCM	7.577.000	
14	HỘ GIA ĐÌNH PHƯƠNG ANH	16.698.000	
15	CÔNG TY TNHH TM & DV DỆT MAY NAM Á	18.992.791	
16	CTY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG SAGEN	225.568.115	
17	CTY TNHH MTV TM DV DỆT MAY PHÚ HÀ	611.712.293	
18	CTY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC NOVA	1.006.588.000	
19	CÔNG TY TNHH TM DV THĂNG LONG VINA	6.821.101.534	
	TỔNG CỘNG	8.746.846.936	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 2: CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ KHÁC TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ	
		NỢ	CÓ
1	Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn	624.750.000	
2	Công ty TNHH TM DV Thăng Long Vina	-	
3	BHXX Thành phố Hồ Chí Minh	112.623	
4	Nhà hàng cà phê m'stars	2.500.000	
5	Chi cục thuế Quận Phú Nhuận	27.824.968	
6	DNTN TM DV SX Hồng Mộc	413.400	
7	Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Địa Ốc Nova	10.385.439.160	
	TỔNG CỘNG	11.041.040.151	-